

Thế chế phát triển vùng của Canada và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam^(*)

Bùi Việt Cường^(**)

Lương Thùy Dương^(***)

Phan Thị Song Thương^(****)

Tóm tắt: *Vùng là nơi tập trung các hoạt động chuyên môn hóa dựa trên các lợi thế. Phát triển vùng là một trong những chiến lược quan trọng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Ở Canada, để thực hiện các mục tiêu của chính sách phát triển vùng, Canada đã thiết lập 6 cơ quan phát triển vùng (Regional Development Agencies - RDAs). RDAs đóng vai trò trung gian quan trọng giữa Chính phủ liên bang với chính quyền tỉnh cũng như giữa các chính sách khác nhau ở trong vùng. Vai trò của RDAs trong phát triển vùng của Canada có thể là bài học kinh nghiệm hữu ích cho Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt trên các phương diện phân cấp quản lý, xây dựng tổ chức điều phối, đổi mới phương thức hoạch định chính sách, hình thành mạng lưới hợp tác, ưu tiên các vùng tụt hậu, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, và hướng tới phát triển bền vững.*

Từ khóa: Phát triển vùng, Cơ quan điều phối phát triển vùng, Chính sách phát triển, Canada

1. Đặt vấn đề

Những năm qua, ở Việt Nam, quá trình cải cách hành chính, đi kèm với gia tăng phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế, diễn ra mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc phân cấp quản lý vẫn còn có những bất hợp lý, tạo gánh nặng và khó khăn cho các địa phương trong thực thi nhiệm vụ, dẫn đến phân mảnh quyền lực và chồng lấn về thẩm quyền, gây ra nhiều mâu thuẫn lợi ích và khó giám sát.

Sự bất hợp lý đó cũng gây nên tình trạng hoạt động kém hiệu quả của nền kinh tế, không chỉ với các quy hoạch, kế hoạch chồng chéo, lãng phí, mà còn chia cắt các tỉnh thành nhiều mảng biệt lập (World Bank và MPI, 2016).

Một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng nêu trên là chưa có thể chế phát triển vùng thống nhất với các cơ quan điều phối phát triển vùng mạnh, có thực quyền, đi kèm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình; cũng như thiếu sự tham gia đầy đủ của doanh nghiệp và người dân trong quá trình hoạch định chính sách. Trong khi đó, Canada là một nước phát triển, có thể chế vùng đã được hình thành

(*) Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Quốc gia “Thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Mã số TNB.ĐT/14-19/X02), thuộc Chương trình Tây Nam Bộ

(**), (***), (****) Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững vùng; Email: bvc19752@gmail.com

từ lâu, với nhiều lần bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. Canada cũng có các tổ chức phát triển vùng vận hành năng động và hiệu quả. Chính vì vậy, việc tham khảo kinh nghiệm của Canada có ý nghĩa quan trọng, góp phần cung cấp các luận cứ cho việc hoàn thiện các thể chế phát triển vùng ở Việt Nam trong thời gian tới.

2. Khái quát chính sách phát triển vùng ở Canada thời gian qua

Canada là quốc gia quân chủ lập hiến theo mô hình liên bang, gồm 10 tỉnh và 3 vùng lãnh thổ. Các tỉnh là những thực thể có chủ quyền và độc lập với Chính quyền trung ương. Quyền của tỉnh được xác định trong Hiến pháp, ngoài ra còn có các quyền bổ sung do Chính quyền trung ương ủy quyền. Các vùng lãnh thổ là các phân khu hành chính được xác lập theo luật của Chính quyền trung ương và được trao một số quyền lập pháp (C. Vammalle, 2012). Mỗi sự thay đổi về phân chia quyền lực giữa Chính quyền liên bang và chính quyền cấp tỉnh đòi hỏi phải sửa đổi Hiến pháp, nhưng sự thay đổi tương tự đối với chính quyền vùng lãnh thổ chỉ cần thông qua bởi Quốc hội hoặc Chính phủ liên bang.

Xét về sự phân chia quyền lực, chính sách đối ngoại, quốc phòng và các quyền kinh tế chính - bao gồm cả kiểm soát tiền tệ, ngân hàng, thuế quan, thương mại, đường sắt, vận tải biển và thủy sản - được giao cho Liên bang. Với lĩnh vực nông nghiệp và người nhập cư, Liên bang và cấp tỉnh có thẩm quyền chung. Thẩm quyền của chính quyền cấp tỉnh ở phạm vi những vấn đề xã hội, văn hóa và giáo dục, và những mối quan tâm cấp bách ở địa phương theo từng thời điểm. Các tỉnh cũng được nắm quyền sở hữu và kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đây là một điều khoản góp

phần đáng kể vào việc tự chủ tài khóa và nâng cao vai trò chính quyền cấp tỉnh trong phát triển kinh tế.

Cuối những năm 1950, nền kinh tế Canada bước vào một giai đoạn mới khi các thành phố nổi lên như là động lực tăng trưởng của quốc gia. Trong khi đó, khu vực nông thôn và các vùng phụ thuộc vào tài nguyên trở nên tụt hậu. Điều đó dẫn tới tình trạng xuất cư và đặt ra yêu cầu các địa phương phải khắc phục những hạn chế (T. Brewis, 1969). Đến đầu những năm 1960, Liên bang đã hội đủ các điều kiện nhằm tiến tới loại bỏ sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng (A. Careless, 1977).

Trong suốt những năm 1960, Chính phủ liên bang can thiệp trực tiếp vào khu vực nông thôn dựa trên các chỉ số khác nhau, và vào các trung tâm đô thị được xác định là cực tăng trưởng tiềm năng cho các vùng kém phát triển (G. Hodge and I.M. Robinson, 2001). Các chính sách phát triển vùng đầu tiên mang tính từ trên xuống và tập trung hóa được thiết kế tại Ottawa thông qua các cơ quan nông nghiệp hay công nghiệp trực thuộc Chính phủ. Mặc dù cách tiếp cận này cho phép hỗ trợ một cách nhanh chóng, nhưng Chính phủ phải đối mặt với nhiều khó khăn lớn trong hoạt động, nổi bật nhất trong số đó liên quan đến chia sẻ thẩm quyền với các tỉnh. Thiếu sự tham gia của tỉnh, Trung ương không nhận được sự hỗ trợ hiệu quả trong chính sách về sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng, cũng như không có những chủ thể đối thoại chính sách đáng tin cậy ở cấp vùng để tạo lập sự đồng thuận.

Do vậy, điều chỉnh chính sách trước những thách thức nêu trên trở thành vấn đề được Canada ưu tiên trong những năm 1970. Theo đó, Bộ Liên bang về Phát triển Kinh tế vùng (DREE) được thành lập để

phối hợp chính sách ngành của Liên bang và đàm phán các thỏa thuận với từng tỉnh. Đến cuối những năm 1970, cấu trúc mới về chính sách phát triển vùng của Canada đã đi vào hoạt động với định hướng tổng thể của Liên bang, các thỏa thuận liên chính phủ thiết lập những ưu tiên và thực hiện phân cấp để đáp ứng với điều kiện địa phương (D.J. Savoie, 1992).

Đến những năm 1980, chính sách phát triển vùng đã không còn là cuộc chiến về mặt nhận thức (D.J. Savoie, 1992). Những lựa chọn thay thế đã được đưa ra từ những quan điểm chính trị khác nhau. Một số nhà phê bình ủng hộ việc khôi phục tính ưu việt của thị trường để giảm sự bất bình đẳng, họ tin rằng Chính phủ chỉ làm cho mọi việc tồi tệ hơn bằng cách tạm thời trì hoãn "hủy diệt sáng tạo" (creative destruction). Những người khác tán thành việc chuyển hướng các khoản trợ cấp sang đáp ứng nhu cầu thực sự của người dân về giáo dục, chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ thu nhập. Các mục tiêu cơ bản đã có sự chuyển đổi, phát triển vùng đã không còn là việc xóa bỏ khoảng cách giữa những vùng chậm phát triển và dẫn đầu, mà là để cho các vùng phải đối mặt với những thách thức để nhận ra tiềm năng kinh tế của mình. Tiếp theo đó, nhiệm vụ trọng tâm của chính sách phát triển vùng không phải để đánh giá nhu cầu mà để phát triển năng lực và nắm bắt thời cơ. Chính sách và chương trình phải bám chắc vào tri thức và mạng lưới các chủ thể ở địa phương, với trách nhiệm giải trình để đảm bảo lợi tức đầu tư công được chia sẻ giữa chính quyền và cộng đồng (N. Bradford, 2010).

Như một phần của việc thiết lập lại chính sách vùng, DREE bị giải thể vì không đảm đương được nhiệm vụ phối hợp chính sách liên bang với việc thực hiện chương trình đã

phân cấp. Năm 1987, chính sách phát triển vùng của Liên bang được sửa đổi và một số cơ quan chuyên trách ra đời. RDAs đầu tiên được thành lập, với cấu trúc chức năng riêng biệt và bộ trưởng đứng đầu, bao gồm Cơ quan Phát triển tiềm năng kinh tế các tỉnh khu vực Đại Tây Dương (ACOA) và Cơ quan Đa dạng hóa kinh tế miền Tây (WD).

Các cơ quan mới này duy trì cơ chế thỏa thuận liên bang-tỉnh nhưng tập trung nhiều hơn vào những ưu tiên cụ thể của địa phương và vùng. Các cơ quan được phân quyền này đại diện lợi ích có tính song trùng - truyền tải những vấn đề của vùng đến Liên bang và thúc đẩy sự hiện diện của Liên bang ở các vùng. Trong suốt những năm 1990, chính sách phát triển vùng của Canada chuyển từ các biện pháp điều chỉnh chống suy thoái ngắn hạn sang tái cơ cấu ngành và đa dạng hóa kinh tế dài hạn (J. Voortman, 2008; M. Goldenberg, 2008).

Nhìn chung, cấu trúc liên bang và quy hoạch phát triển vùng ở Canada đã thay đổi khá thường xuyên trong thời kỳ 1960-2000, chuyển từ kiểm soát tập trung việc phân phối trợ cấp, giảm thuế đối với những công ty lớn, sang đồng tài trợ giữa liên bang-tỉnh cho một loạt dự án một cách công bằng và rộng khắp. Các chương trình phát triển vùng cũng đã được giao cho các cơ quan phát triển vùng của Liên bang thực hiện, các cơ quan này đóng vai trò kết hợp giữa Liên bang với cơ quan điều phối ở cấp vùng. Các vùng phức tạp và các nhóm vấn đề khác nhau được giải quyết bằng hợp đồng cụ thể, hướng đến những mối quan tâm đặc thù của vùng (D.J. Savoie, 1992, 1997; OECD, 2007).

Những năm 2000, toàn cầu hóa kinh tế và sự hiện diện của kinh tế tri thức đã thay đổi bối cảnh chính sách phát triển vùng của Canada (M.S. Gertler and D.A. Wolfe, 2004).

Vấn đề cấp bách lúc này là nâng cấp các ngành sản xuất truyền thống, đa dạng hóa các lĩnh vực kinh tế dựa vào tài nguyên và phát triển các ngành thế mạnh. Đây cũng là những thách thức lớn trong phát triển kinh tế vùng, mà mỗi một thách thức lại đòi hỏi nhiều hình thức hợp tác mới giữa các công ty, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo; hướng trọng tâm vào phát triển dựa trên tài sản, trao quyền cho các địa phương để thúc đẩy thay đổi từ bên trong bằng cách vạch ra phạm vi các nguồn lực kinh tế, xã hội và văn hóa trong cộng đồng, sau đó xây dựng mạng lưới thúc đẩy các ý tưởng, kỹ năng và năng lực (A.E. Noya and G. Craig, 2009).

3. Các cơ quan phát triển vùng ở Canada

Với việc thành lập RDAs, Chính phủ Canada dự định xây dựng các tổ chức làm việc hiệu quả và mạnh, được điều hành bởi công chức cấp cao. *RDAs có vai trò trung gian quan trọng giữa chính quyền trung ương với chính quyền tỉnh, cũng như giữa những chính sách khác nhau ở trong vùng.* Nguyên tắc này bao hàm việc xây dựng mối liên hệ giữa chính sách của Chính phủ và các nhân tố vùng. Bởi vì, trong khi nhiều cơ quan cấp quốc gia có các văn phòng vệ tinh ở cấp vùng (như Bộ Ngư nghiệp và Biển, Bộ Giao thông, Bộ Di sản) và có thẩm quyền ra quyết định cao hơn, nhưng các rào cản địa lý vẫn tạo ra sự tách biệt giữa những người ra quyết định chương trình và chính sách ở Trung ương với thực tiễn phát triển vùng.

Đã có 6 RDAs được thành lập với nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế vùng. Trong đó, có 5 RDAs độc lập, bao gồm: Cơ quan Phát triển tiềm năng kinh tế các tỉnh khu vực Đại Tây Dương (ACOA); Cơ quan Phát triển khu vực phía Bắc (CanNor); Cơ quan Phát triển kinh tế khu vực Quebec

(CEDQ); Cơ quan Phát triển kinh tế Liên bang khu vực miền Nam Ontario (FedDev Ontario); Cơ quan Đa dạng hóa kinh tế miền Tây (WD). Riêng Cơ quan Sáng kiến Phát triển kinh tế Liên bang khu vực miền Bắc Ontario (FedNor) thuộc Bộ Công nghiệp, đảm nhiệm các hoạt động ở Bắc Ontario. Tuy nhiên, đến năm 2015, cả 6 RDAs đều trực thuộc sự quản lý của Bộ Đối ngoại, Khoa học và Phát triển kinh tế, tiền thân là Bộ Công nghiệp.

Do ở cách xa Thủ đô và có các điều khoản mở nên RDAs được phép thực hiện các chính sách liên bang phù hợp với ưu tiên và tình hình của vùng, và hoạt động như một kênh thông tin phản hồi quan tâm của các tỉnh lên Chính phủ. Ngoài ra, vì mỗi RDA đảm trách một số tỉnh, nên nó cũng có vai trò phối hợp chính sách giữa các tỉnh, ít nhất là trong việc thực thi chính sách liên bang. RDAs cũng góp phần thực hiện một số chương trình liên bang tại các tỉnh.

Mỗi RDA phát triển những chiến lược riêng, có những điểm tương đồng và có cả những điểm khác biệt nhau. Các ưu tiên tương đồng là: thúc đẩy đổi mới doanh nghiệp và có kết cộng đồng, nhấn mạnh vào chuyển giao tri thức và thích ứng thể chế. Đồng thời, cân nhắc làm thế nào để điều phối đa phương, từ các tổ chức dựa vào cộng đồng, thiết chế giáo dục, hiệp hội kinh doanh, đảm bảo quyền bình đẳng cho các nhóm yếu thế như thổ dân, thanh niên, phụ nữ và những người mới nhập cư (OECD, 2005; C. Vammalle, 2012).

Hầu hết RDAs đều hỗ trợ gián tiếp các doanh nghiệp vừa và nhỏ đào tạo, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu thị trường. Các doanh nghiệp nhận hỗ trợ phải cạnh tranh giành ngân sách bằng các dự án phù hợp. Ví dụ như: trong giai đoạn 2013-2014, ACOA

đầu tư 61,7 triệu USD trong 161 dự án đổi mới và thương mại hóa, bao gồm cả việc sửa đổi các dự án đã được phê duyệt trong năm tài chính trước. Điều này giúp các doanh nghiệp phát huy tối đa tiềm năng tăng trưởng nhờ phát triển công nghệ mới và cải tiến quy trình. ACOA cũng đầu tư thêm 59,7 triệu USD trong 452 dự án góp phần cải thiện năng suất và tăng trưởng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực, bao gồm cả các dự án liên quan đến mua lại công nghệ, mở rộng và hiện đại hóa, tiếp thị trong nước, năng suất, kỹ năng kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp (ACOA, 2014).

Trong khi đó, WD giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, tạo việc làm, mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu, đổi mới sáng tạo hơn và năng suất cao hơn thông qua thúc đẩy kinh doanh quốc tế và thu hút đầu tư vào vùng; trợ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các cơ hội liên quan tới mua sắm của Chính phủ, xây dựng năng lực đổi mới và hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm. Các biện pháp cụ thể đi kèm bao gồm: (i) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng các công nghệ mới từ hoạt động R&D; (ii) Đầu tư vào các dự án định hướng thị trường gắn với phát triển và giới thiệu các dây chuyền mới; (iii) Đóng vai trò trung gian giữa ngành công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu và Chính phủ để thuận lợi cho sự ra đời của các chính sách đổi mới; (iv) Liên kết các ngành, các tổ chức giáo dục đại học và các tổ chức đào tạo; và (v) Đầu tư vào các ý tưởng nâng cao năng suất (WD, 2015).

RDAs cũng trợ giúp và kết nối để phát triển cộng đồng. Ví dụ, ACOA phối hợp chặt chẽ với nhiều bên liên quan để xác định và phát triển các sáng kiến nhằm củng cố và tăng cường tính bền vững của các cộng đồng trong vùng: (i) Phối hợp cùng với các

đối tác nhà nước - tư nhân để thực hiện sáng kiến chung với các trường đại học, cao đẳng giúp đẩy nhanh quá trình chuyển giao kiến thức trong lĩnh vực lâm nghiệp và ngành sản xuất gỗ; (ii) Phối hợp với các đối tác địa phương để giải quyết nhu cầu của các vùng nông thôn chịu ảnh hưởng của nạn cháy rừng; và (iii) Phối hợp với các đối tác cấp tỉnh, ngành, các hiệp hội và các bên liên quan tới vấn đề thổ dân nhằm tối đa hóa các lợi ích kinh tế có thể tích lũy trong khu vực gắn với các cơ hội mới (ACOA, 2014).

WD giúp đỡ các cộng đồng duy trì nền kinh tế địa phương và điều chỉnh trước những biến động bằng cách: (i) Thực hiện các chương trình của mình và chuyển giao các sáng kiến quốc gia thay cho chính quyền trung ương; (ii) Hỗ trợ những tổ chức dựa vào cộng đồng thông qua cung cấp thông tin, đào tạo và tín dụng; (iii) Kết nối người dân với các đối tác chính nhằm tạo cơ hội hợp tác đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế; (iv) Gắn kết và tạo quan hệ đối tác giữa người dân với các tổ chức giáo dục đại học, ngành, cơ quan chính phủ và tổ chức khác nhằm tăng cường cơ hội phát triển kỹ năng cho người dân; và (v) Tài trợ cho các tổ chức dân sự nhằm tăng cường tiếp cận thông tin, dịch vụ và đào tạo kinh doanh (WD, 2015).

RDAs còn có vai trò quan trọng trong vận động chính sách và cầu nối giữa Chính phủ và các địa phương trong vùng. WD củng cố nền kinh tế phía Tây Canada và điều phối các hoạt động chính sách, hoạt động phát triển kinh tế toàn miền Tây. Hoạt động của WD hướng đến xây dựng các mối quan hệ chiến lược với các nhà hoạch định chính sách ở toàn liên bang, và mua sắm phục vụ quốc phòng cho các ngành ở miền Tây (WD, 2015).

Với trụ sở chính tại Waterloo và văn phòng tại Toronto, Peterborough và Ottawa, FedDev Ontario đảm bảo sự hiện diện của chính quyền liên bang trên toàn miền Nam Ontario, tạo điều kiện hợp tác với các tổ chức giáo dục đại học, chính quyền cấp tỉnh và thành phố, các cộng đồng bản địa và công ty tư nhân. Ngoài ra, thông qua các quan hệ đối tác hiện có với các bộ và cơ quan liên bang khác, FedDev Ontario đảm bảo quan điểm của miền Nam Ontario được xem xét trong quá trình ra quyết định ở cấp Trung ương (FedDev Ontario, 2015).

4. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ cách thức xây dựng và thực thi thể chế phát triển vùng, cũng như hoạt động thực tiễn của RDAs ở Canada những năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ nhất, phải có cơ chế phân cấp rõ ràng, ổn định và lâu dài về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giữa chính quyền trung ương và địa phương. Chỉ có trên nền tảng đó, các mục tiêu và nội dung chính sách phát triển vùng mới có sự rạch ròi và nhất quán. Ngoài ra, điều này cũng tạo cơ sở cho các hình thức phân quyền, ủy quyền và tản quyền khác, và xây dựng quan hệ đối tác trung ương - địa phương trong phát triển vùng.

Thứ hai, các tổ chức (của Trung ương) có chức năng phát triển vùng phải có đủ thẩm quyền, nhân lực và tài chính để có thể phối hợp và giám sát với các cơ quan Trung ương khác và chính quyền địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách; cũng như chủ động tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Ngoài ra, các tổ chức này phải có sự tham gia của đại diện vùng và địa phương; từ đó có cơ chế phản hồi và theo dõi thông tin hai chiều giữa Trung ương và vùng nhằm đảm bảo có sự đồng hướng giữa

các chương trình và mục tiêu phát triển của nhiều cấp.

Thứ ba, cách thức xây dựng chính sách phát triển vùng theo hướng tập trung, mệnh lệnh từ trên xuống, đi kèm với các biện pháp can thiệp trực tiếp như trợ cấp, chuyển giao hướng vào các nhu cầu trước mắt thường tỏ ra không hiệu quả trong bối cảnh có nhiều thay đổi nhanh chóng. Thay vào đó, cần ưu tiên cách tiếp cận từ dưới lên, dựa vào cộng đồng, có liên quan đến và có tham vấn cộng đồng; đồng thời, linh hoạt và đặt trọng tâm vào xây dựng khả năng sáng tạo, thích ứng của người dân trên cơ sở các nguồn lực tại chỗ.

Thứ tư, việc xây dựng các mạng lưới quan hệ đối tác hiệu quả rất quan trọng. Các mạng lưới kết hợp công - tư, tổ chức phi lợi nhuận - doanh nghiệp, nghiên cứu - đào tạo, cấp trên - cấp dưới sẽ góp phần tạo lập một môi trường hợp tác, trợ giúp, lan tỏa thông tin và kiến thức, kết hợp nhiều ý tưởng và tiếng nói; qua đó, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, khả năng cạnh tranh và sáng tạo của doanh nghiệp.

Thứ năm, để đảm bảo công bằng, chính sách vùng cũng phải có sự ưu tiên vào các địa phương, cộng đồng và nhóm yếu thế; qua đó tạo lập năng lực thích ứng và sự bình đẳng trong cơ hội phát triển.

Thứ sáu, các thể chế vùng phải đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên, đặc biệt là các cơ quan nhà nước; đồng thời, hướng đến sự trao quyền, sự tham gia và tiếng nói của các tổ chức, cộng đồng và người dân.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, với nhiều vấn đề mới nảy sinh, bên cạnh việc thúc đẩy nền kinh tế dựa trên tri thức và tham gia chuỗi giá trị liên vùng và toàn cầu, các thể chế vùng cũng cần quan

tâm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sống □

Tài liệu tham khảo

1. A. Careless (1977), *Initiative and Response: The Adaptation of Canadian Federalism to Regional Economic Development*, McGill-Queen's University Press, Montreal.
2. A.E. Noya Clarence and G. Craig (eds.) (2009), *Community Capacity Building: Creating a Better Future Together*, OECD, Paris.
3. Atlantic Canada Opportunities Agency (ACOA) (2014), *Atlantic Canada Opportunities Agency 2013-2014, Departmental Performance Report*, <http://www.acoaapec.gc.ca/Eng/Pages/Home.aspx>
4. C. Vammalle (2012), *Public Investment across Levels of Government: The Case of British Columbia, Canada*, OECD 28th Territorial Development Policy Committee.
5. D.J. Savoie (1992), *Regional Economic Development: Canada's Search for Solution*. Toronto: University of Toronto Press.
6. D.J. Savoie (1997), *Rethinking Canada's Regional Development Policy: An Atlantic Perspective*, Canadian Institute for Research on Regional Development, Moncton, New Brunswick.
7. Federal Economic Development Agency for Southern Ontario (FedDev Ontario) (2015), *Departmental Performance Report 2014-2015*.
8. G. Hodge and I.M. Robinson (2001), *Planning Canadian Regions*, UBC Press, Vancouver.
9. J. Voortman (2008), *Adaptation and Survival in Government Agencies: The Case of Western Economic Diversification Canada*, Master's Thesis, University of British Columbia, Department of Political Science.
10. M. Goldenberg (2008), *A Review of Rural and Regional Development Policies and Programs*, Canadian Policy Research Networks (CPRN), Réseaux Canadiens de Recherche en Politiques Publiques.
11. M.S. Gertler and D.A. Wolfe (2004), "Local social knowledge management: Community actors, institutions and multilevel governance in regional foresight exercises", *Futures*, Volume 36, pp. 45-64.
12. N. Bradford (2010), *Regional Economic Development Agencies in Canada: Lessons for Southern Ontario*, Mowat Centre for Policy Innovation.
13. OECD (2005), *A Contractual Approach to Multi-level Governance: How to Design Effective Relationships Between Central and Sub-National Governments?*, GOV/TDPC/RD 16.
14. OECD (2007), *Linking Regions and Central Governments - contract for regional development*, OECD Publication, France.
15. T. Brewis (1969), *Regional Economic Policies in Canada*, Macmillan, Toronto.
16. Western Economic Diversification Canada (WD) (2015), *Report on Plans and Priorities 2014-2015*, <http://www.wd-deo.gc.ca/>
17. World Bank và MPI (2016), *Việt Nam 2035 - Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ*, Báo cáo tổng quan.